

THE ROLE OF THE NORTHERN REAR IN THE VICTORY OF THE ANTI-AMERICAN RESISTANCE WAR FOR NATIONAL SALVATION (1954-1975)

VAI TRÒ CỦA HẬU PHƯƠNG MIỀN BẮC ĐỐI VỚI THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975)

Trần Tăng Khởi

Học viện Chính trị khu vực III

ABSTRACT: *The article highlights the remarkable achievements of more than two decades of socialist construction in the North of Vietnam (1954 - 1975). During this period, the North simultaneously built socialism and provided manpower and resources to support the revolution in the South of Vietnam. At the same time, North had to repeatedly adjust its socialist development strategy to cope with the nationwide war. Amid the devastation of two large-scale destructive wars waged by the U.S. imperialists, the material and technical foundations of socialism in the North were gradually established. Additionally, the successful construction and firm defense of the new regime in the North, along with its outstanding fulfillment of the role as the strategic rear for the Southern revolution, were among the decisive factors in the victory of the anti-American Resistance and national salvation.*

Keyword: *socialist, anti-American Resistance and national salvation, achievements, decisive factors, the North of Vietnam.*

TÓM TẮT: Bài báo nêu bật những thành tựu to lớn của hơn hai mươi năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc Việt Nam (1954-1975). Trong giai đoạn lịch sử này, miền Bắc vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chi viện sức người, sức của cho cách mạng miền Nam; đồng thời đã nhiều lần phải chuyển hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội để đương đầu với tình trạng cả nước có chiến tranh. Trong khói lửa của hai cuộc chiến tranh phá hoại có tính chất hủy diệt mà đế quốc Mỹ đã gây ra, những cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc vẫn từng bước được tạo lập. Đồng thời, việc xây dựng và bảo vệ vững chắc chế độ mới ở miền Bắc, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hậu phương lớn cho cách mạng miền Nam là một trong những nhân tố quyết định đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Từ khóa: chủ nghĩa xã hội, miền Bắc, thành tựu, nhân tố quyết định, kháng chiến chống Mỹ.

1. MỞ ĐẦU

Bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, nhân dân Việt Nam đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc ta: kỷ nguyên độc lập, hoà bình, tự do và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của dân tộc ta trong cuộc kháng bắt nguồn từ nhiều nhân tố, trong đó,

những thành tựu của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc là một trong những nhân tố quyết định với vai trò là hậu phương lớn cho cách mạng miền Nam.

2. NỘI DUNG

2.1. Tạo dựng những cơ sở vật chất ban đầu của chủ nghĩa xã hội

Miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội với điểm xuất phát thấp kém, lạc hậu về cơ sở vật chất kỹ thuật, lại chịu sự tàn phá khốc liệt của

hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Một mặt, chiến tranh đã kìm hãm tốc độ phát triển của miền Bắc, làm cho đời sống của nhân dân chậm được cải thiện, mặt khác đã tàn phá nghiêm trọng những cơ sở vật chất kỹ thuật của miền Bắc: phần lớn các thành phố, thị xã, thị trấn, bệnh viện, trường học, nông trường, các công trình thủy lợi, hệ thống giao thông vận tải... đều bị đánh phá, trong đó có nhiều cơ sở bị phá hủy hoàn toàn hoặc hư hại nặng. Đồng thời, miền Bắc còn phải chi viện tối đa sức người, sức của để giải phóng miền Nam. Hay nói cách khác, quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc chịu sự chi phối của quy luật chiến tranh, của mối quan hệ giữa hậu phương và tiền tuyến. Nền kinh tế do đó chưa thể lấy hiệu quả kinh tế làm đầu, chưa thể đặt mục tiêu chủ yếu là nâng cao đời sống cho nhân dân miền Bắc, mà phải đặt mục tiêu chủ yếu là tăng cường tiềm lực kinh tế cho cách mạng cả nước với mục tiêu *“Tất cả để chiến thắng đế quốc Mỹ” “Tất cả để giải phóng miền Nam”*. Đặt công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong bối cảnh lịch sử vô vàn khó khăn như vậy mới thấy được rằng, những cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội mà miền Bắc đã tạo dựng được là rất đáng trân trọng.

Từ một nền kinh tế thuần nông lạc hậu, đến năm 1975, cơ cấu nền kinh tế miền Bắc đã có sự thay đổi cơ bản với sự hình thành và phát triển của ngành công nghiệp. Số xí nghiệp công nghiệp năm 1975 gấp 16,5 lần so với năm 1955. Trong cơ cấu công nghiệp đã có những cơ sở đầu tiên của những ngành công nghiệp nặng quan trọng như: điện, than, cơ khí, luyện kim, hóa chất, vật liệu xây dựng. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp năm 1975 so với năm 1939 gấp 5 lần, riêng công nghiệp nặng gấp 14 lần. Tốc độ phát triển của các ngành thuộc công

ng nghiệp nặng nhanh hơn tốc độ phát triển chung của toàn ngành công nghiệp; năm 1975 so với năm 1955, giá trị sản lượng ngành điện lực gấp 22,3 lần, của ngành cơ khí gấp 59,8 lần và ngành hóa chất gấp 79,1 lần, trong lúc toàn ngành công nghiệp chỉ gấp 16,2 lần¹.

Công nghiệp nặng tuy còn non trẻ nhưng bước đầu đã trang bị cho lao động các ngành kinh tế quốc dân, trước hết là cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Một số cơ sở công nghiệp được xây dựng trong thời kỳ này vẫn tiếp tục phát huy tác dụng cho đến ngày nay như: khu công nghiệp Thượng Đình, gang thép Thái Nguyên, phân đạm Hà Bắc, phân lân Văn Điển, apatít Lào Cai, super photphát Lâm Thao, nhà máy điện Uông Bí, Ninh Bình, Thác Bà...

Công nghiệp nhẹ cũng được xây dựng tương đối hoàn chỉnh, bao gồm ngành công nghiệp thực phẩm và các ngành công nghiệp hàng tiêu dùng. Năm 1975, miền Bắc đã có 538 xí nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh cùng hàng nghìn cơ sở tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp sản xuất hàng nghìn mặt hàng tiêu dùng, bảo đảm được phần lớn nhu cầu hàng hóa tiêu dùng. Nhờ sản xuất trong nước tăng lên, nên hàng tiêu dùng nhập khẩu đã giảm từ 55,1% năm 1955 xuống còn 26,9% năm 1975.

Song song với việc xây dựng công nghiệp trung ương, Đảng và Nhà nước ta rất coi trọng xây dựng công nghiệp địa phương. Trong giá trị tổng sản lượng công nghiệp, tỷ trọng công nghiệp địa phương thường chiếm trên một nửa; riêng trong công nghiệp nhẹ chiếm trên dưới 60%².

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa tuy chưa xây dựng được một nền sản xuất lớn, nhưng đã từng bước phá vỡ cơ cấu kinh tế thuần nông mang nặng tính chất sản xuất nhỏ. Đồng thời, công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ

¹ Tổng cục Thống kê: *30 năm phát triển kinh tế và văn hóa của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978, tr.29.

² Tổng cục Thống kê: *30 năm phát triển kinh tế và văn hóa của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, Sdd, tr.30.

nghĩa cũng đã đào tạo nên một đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ, cán bộ quản lý và hàng chục vạn công nhân, lao động trong các ngành công nghiệp. Năm 1975 so với năm 1955, số cán bộ có trình độ đại học và trên đại học tăng hơn 129 lần, cán bộ có trình độ trung cấp chuyên nghiệp gấp hơn 84 lần; công nhân kỹ thuật năm 1975 tăng gấp 6 lần năm 1960. Tỷ lệ cán bộ khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ trong tổng số công nhân viên chức đã tăng từ 2% (1955) đến 3,5% (1960) và 19,5% (1975). Tỷ lệ công nhân kỹ thuật đã tăng từ 17% năm 1960 lên 53,4% (1975). Riêng trong công nghiệp năm 1975 đã có trên 8.000 cán bộ đại học, 20.000 cán bộ trung học chuyên nghiệp và khoảng 210.000 công nhân kỹ thuật³. Đây là vốn quý, là yếu tố quan trọng của quá trình công nghiệp hóa trước mắt và lâu dài.

Ngành giao thông vận tải - bưu điện cũng có sự phát triển đáng kể. So với năm 1960, đường giao thông đã có sự phát triển mạnh mẽ, nhất là đường sắt và đường ô tô. Nếu năm 1960, chiều dài đường sắt là 1.042 km, đường ô tô là 9.058 km thì đến năm 1975, hai chỉ số tương ứng là 1.264 km và 62.779 km. Nhờ vậy, năng lực vận chuyển của ngành giao thông vận tải đã nâng lên rõ rệt: Năm 1975, khối lượng vận chuyển hàng hóa ngành đường sắt và ô tô gấp 19 lần và 17,7 lần so với năm 1955⁴.

Nhìn chung trong những năm 1954-1975, mặc dù bị địch tập trung đánh phá ác liệt nhất, song ngành giao thông vận tải vẫn bảo đảm thông suốt, đáp ứng yêu cầu sản xuất, chiến đấu và chi viện cho miền Nam.

Về lĩnh vực nông nghiệp, các hợp tác xã nông nghiệp với tính tập trung cao, đã huy động được một khối lượng lớn người lao động và tạo

điều kiện thuận lợi để cải tạo đồng ruộng và làm thủy lợi đạt được những kết quả đáng khích lệ. Hệ thống thủy lợi mới đã góp phần giải quyết úng, hạn, tăng được thâm canh, mở rộng thêm diện tích gieo trồng và cải tạo đồng ruộng, tạo điều kiện thuận lợi để bước đầu cơ giới hóa nông nghiệp. Đến năm 1975, nông nghiệp miền Bắc đã có 2.143 công trình thủy nông, phục vụ tưới tiêu cho 17.000 hợp tác xã nông nghiệp và 115 nông trường quốc doanh⁵. Nông nghiệp miền Bắc đã có những bước tiến trong việc áp dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật vào trồng trọt và chăn nuôi, làm thay đổi tập quán canh tác truyền thống, từng bước phá thế mất cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi. Cơ cấu giá trị tổng sản lượng nông nghiệp giữa trồng trọt và chăn nuôi đã thay đổi: ngành chăn nuôi từ 15,3% năm 1955, lên 22,9% năm 1965 và 23,1% năm 1975. Thế độc canh trong trồng trọt cũng thay đổi: tỷ trọng cây lương thực từ chỗ chiếm 94,8% diện tích gieo trồng cây hằng năm trong thời kỳ 1955 - 1957, xuống còn 90% trong thời kỳ 1972 - 1975⁶. Thành tựu quan trọng nhất của nông nghiệp là tăng năng suất lúa và tăng vụ. Nông nghiệp miền Bắc đã có sự biến đổi, từ độc canh cây lúa đã hình thành bước đầu cơ cấu mới gồm trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ.

Cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch theo hướng nâng cao tỷ trọng thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Đến năm 1975, kinh tế xã hội chủ nghĩa đã tạo ra 88,4% tổng sản phẩm xã hội; 84,1% thu nhập quốc dân; 95,5% tổng sản lượng công nghiệp; 97,1% giá trị tổng sản lượng nông nghiệp; 87,5% giá trị tổng sản lượng xây dựng cơ bản và gần 100% khối lượng hàng hóa luân chuyển. Từ một nền nông nghiệp

³ Phạm Khiêm Ích - Nguyễn Đình Phan (Chủ biên): *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam và các nước trong khu vực*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 1994, tr.76-77.

⁴ Tổng cục Thống kê: *30 năm phát triển kinh tế và văn hóa của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Sđd*, tr.125-126.

⁵ Trần Hoàng Kim: *Kinh tế Việt Nam chặng đường 1945 - 1955 và triển vọng đến năm 2000*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 1996, tr.56.

⁶ Tổng cục Thống kê: *30 năm phát triển kinh tế và văn hóa của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Sđd*, tr.31.

độc canh lạc hậu, đến năm 1975, cơ cấu kinh tế miền Bắc đã thay đổi cơ bản với sự hình thành và phát triển của các ngành kinh tế.

Nền kinh tế ổn định với thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế lớn, đã góp phần quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp, để miền Bắc không những đủ sức đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, mà còn chi viện đầy đủ sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam. Chỉ tính riêng nông thôn miền Bắc trong 10 năm (1965 - 1975) ngoài việc cung cấp phần lớn lương thực, thực phẩm, còn đưa hai triệu thanh niên trẻ, khỏe, có trình độ văn hóa nhập ngũ, cho thấy tính ưu việt của nền kinh tế nông nghiệp tập thể hóa trong thời kỳ này. Chỉ có trên cơ sở kinh tế hợp tác xã thì miền Bắc mới bảo đảm cho chiến trường với quyết tâm: *“Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”*.

Nhìn chung trong giai đoạn 1954 - 1975, mặc dù thời gian chiến tranh nhiều hơn thời gian hòa bình xây dựng và đường lối, chính sách kinh tế có những sai lầm, hạn chế, song công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã thu được những kết quả quan trọng. Cơ sở vật chất kỹ thuật đã được từng bước xây dựng: nếu lấy năm 1955 làm gốc so sánh thì đến năm 1975, tổng sản phẩm xã hội gấp 3,4 lần, thu nhập quốc dân gấp 2,5 lần. Tốc độ tăng bình quân mỗi năm của hai chỉ tiêu trên trong giai đoạn này là 7% và 5%. Các ngành kinh tế quan trọng đều đạt được tốc độ tăng trưởng khá: giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 76%; sản lượng lương thực quy thóc từ 3,76 triệu tấn tăng lên 5,49 triệu tấn; đàn lợn từ 2,45 triệu con tăng lên 6,75 triệu con; giá trị tổng sản lượng công nghiệp gấp 16,6 lần với tốc độ tăng bình quân mỗi năm 14,7%. Hầu hết các sản phẩm công nghiệp tính bình quân đầu người năm 1975 đã cao hơn nhiều so với năm 1955: điện gấp 13,8 lần; than gấp 4,8 lần;

xi măng gấp 25,2 lần; giấy gấp 14,5 lần; vải gấp 4,8 lần; đường gấp 2,0 lần. Từ năm 1956 đến năm 1960, miền Bắc đã có lương thực xuất khẩu, mỗi năm trên 20 vạn tấn.

Hoạt động nội thương và ngoại thương cũng có bước phát triển nhất định. Tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng bình quân mỗi năm trên 10%. Tổng giá trị xuất khẩu năm 1975 gấp 21,3 lần năm 1955. Tỷ lệ xuất khẩu so với nhập khẩu đã tăng từ 9,1% năm 1955 lên 17,0% vào năm 1975, riêng thời kỳ 1958 - 1964 đạt 60-80%⁷.

Đánh giá về thành tựu và vai trò của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 - 1975), Văn kiện Đại hội IV của Đảng đã khẳng định: sau hai mươi năm cải tạo và xây dựng, miền Bắc đã bước đầu kiến lập được một hình thái kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa với quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và những cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội, với một Nhà nước chuyên chính vô sản được củng cố, cùng với hệ tư tưởng và nền văn hóa xã hội chủ nghĩa được đặt trên nền móng vững chắc, đem lại những thay đổi sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực.

Ngày nay trên miền Bắc, người lao động không còn bị bóc lột và khinh rẻ nữa. Tuy số dân tăng gần gấp đôi so với hai mươi năm trước, nhưng mọi người đều có ăn, có mặc, con cái mọi nhà đều được đi học, trình độ văn hóa chung của xã hội đã được nâng lên một mức đáng kể. Lối sống mới đã trở thành phổ biến, người với người sống có tình có nghĩa, đoàn kết, thương yêu nhau. Trong những năm chiến tranh, sản xuất vẫn được duy trì và có ngành, có mặt tiếp tục phát triển. Những nhu cầu thiết yếu về đời sống của nhân dân được bảo đảm. Đói rét, dịch bệnh không xảy ra. An ninh chính trị và trật tự xã hội được giữ vững. Mức sống tuy chưa cao và còn nhiều khó khăn, nhưng mọi người đều hiểu nguyên nhân của những khó khăn đó

⁸ Dr. Trần Hoàng Kim: *Kinh tế Việt Nam chặng đường 1945 - 1955 và triển vọng đến năm 2000*, Sđd, tr.56-57.

và vững lòng tin tưởng ở tương lai.

Những thành tựu và biến đổi ấy còn quá thấp so với những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Song, trong hoàn cảnh miền Bắc vừa phải đương đầu với hàng triệu tấn bom đạn của đế quốc Mỹ, vừa không ngừng cung cấp sức người, sức của cùng đồng bào miền Nam đánh giặc cứu nước, đồng thời gánh vác nghĩa vụ quốc tế, thì những thành tựu đã đạt được là những kỳ tích mà người ta không thể tưởng tượng bên ngoài quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Thử thách cực kỳ nghiêm trọng của chiến tranh đã làm ngời sáng tính ưu việt và sức mạnh của chủ nghĩa xã hội. Đó là cái bảo đảm cho miền Bắc không ngừng phát huy vai trò quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của cả nước⁸.

2.2. Xây dựng và bảo vệ vững chắc chế độ mới ở miền Bắc, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hậu phương lớn cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, dân tộc Việt Nam chịu ách thống trị, bóc lột của thực dân, phong kiến. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến chống thực dân Pháp, sau đó là công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã làm thay đổi căn bản bộ mặt chính trị - xã hội miền Bắc. Nó đã xóa bỏ tận gốc chế độ người bóc lột người, mở ra một kỷ nguyên mới trong tiến trình phát triển của dân tộc. Từ thân phận nô lệ làm thuê cho địa chủ, tư sản, giai cấp công nhân và nông dân lao động trở thành lực lượng trung tâm đời sống xã hội, có chính quyền thật sự của mình, trở thành chủ nhân của đất nước. Đây là sự tiến bộ chính trị - xã hội sâu sắc chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc, là thành tựu chính trị to lớn không thể phủ nhận. Trên cơ sở thành tựu chính trị ấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân miền Bắc tiến

hành xây dựng xã hội mới nhân đạo và công bằng, một chế độ xã hội mới do nhân dân lao động làm chủ.

Bằng việc xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, thiết lập quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa với hai hình thức sở hữu toàn dân và tập thể, chế độ mới đã đặt nền móng cho việc phấn đấu xây dựng một xã hội công bằng; đồng thời, cũng chính là nền tảng tạo ra sự nhất trí cao về chính trị, tinh thần của toàn xã hội. Cơ chế quản lý nền kinh tế theo mô hình kế hoạch hóa tập trung, chỉ huy thống nhất cho phép nhà nước tạo lập cơ cấu kinh tế - xã hội phù hợp với hoàn cảnh chiến tranh. Nó đã tạo điều kiện để huy động đến mức cao nhất sức mạnh vật chất, tinh thần của miền Bắc cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cách mạng giải phóng miền Nam thống nhất đất nước với tinh thần *“thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”*.

Rõ ràng là trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, quan hệ sản xuất mới đã có vai trò quan trọng vì nếu: “không có hợp tác xã, không có tổ chức sản xuất tập thể tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, không có Nhà nước chăm lo đời sống của toàn dân thì không thể huy động mấy triệu thanh niên nông thôn ra tiền tuyến đánh giặc, trong đó có nhiều thanh niên có tri thức được đào tạo dưới mái trường xã hội chủ nghĩa. Hàng triệu người đi chiến đấu vì họ thấy giá trị của độc lập tự do, cuộc sống mới của bản thân và gia đình mình do chế độ đem lại, họ yên tâm ra đi vì có hợp tác xã và Nhà nước chăm lo gia đình họ”⁹.

Quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa cũng tạo nên một kết cấu xã hội tương đối thuần nhất. Xã hội có hai giai cấp cơ bản là công nhân, nông dân tập thể cùng với tầng lớp trí thức mới. Cùng với những nhân tố khác, kết cấu xã hội này đã tạo nên sự ổn định về chính trị - xã hội.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, t.37, tr.493-494.

⁹ Đào Duy Tùng: *Quá trình hình thành con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.36.

Điều này hết sức quan trọng, vì không thể nói tới sự phát triển của một quốc gia, nếu thiếu sự ổn định về chính trị - xã hội.

Trên lĩnh vực văn hóa xã hội, miền Bắc đã đạt được những thành tựu rất đáng tự hào. Cách mạng xã hội chủ nghĩa đã xóa bỏ các giai cấp bóc lột, khắc phục sự khác biệt lớn về giai cấp và những hiện tượng bất công xã hội. Chủ nghĩa xã hội đã giải phóng hàng chục triệu con người khỏi tình cảnh nô lệ, đem lại cho họ phẩm giá của con người. Quan hệ giữa mọi người là bình đẳng, tương trợ thân ái, giúp đỡ lẫn nhau. Trong xã hội miền Bắc, những tệ nạn xã hội được đẩy lùi về cơ bản, phần lớn mọi người đều có công ăn việc làm, được học hành và chăm sóc y tế không mất tiền. Nhân dân được sống trong một xã hội trật tự, kỷ cương và bình đẳng. Miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã có những cố gắng to lớn nhằm xóa bỏ tình trạng bất bình đẳng giữa các giới, giữa các vùng miền, trước hết là về giáo dục và y tế. Tỷ lệ học sinh nữ so với tổng số người đi học thay đổi theo chiều tăng lên: từ 39,5% trong năm học 1960 - 1961 lên 46,8% vào năm học 1975 - 1976. Số học sinh dân tộc thiểu số đến trường ngày càng tăng. Năm học 1965 - 1966 số người đi học phổ thông thuộc con em đồng bào vùng cao là 215.200 người, đến 1975 - 1976 lên tới 504.7000 người¹⁰.

Từ một đất nước có trên 95% số dân mù chữ (năm 1945), đến năm 1975, bình quân 3 người dân có một người đi học, phần lớn đã thoát nạn mù chữ (trong lúc đó, để xóa nạn mù chữ, chủ nghĩa tư bản phải thực hiện mất 180 năm đối với nam giới và 280 năm đối với nữ giới!)¹¹. Tất cả trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường, mà phần lớn là con em của nhân dân lao động. Hầu hết các xã có trường

cấp I và cấp II, huyện có trường cấp III. Hệ thống giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp phát triển mạnh mẽ. Nếu năm 1954, cả miền Bắc mới có 500 người có trình độ đại học và 3.000 người có trình độ trung học chuyên nghiệp thì đến năm 1975 đã có 57 trường đại học với 420.077 sinh viên, 186 trường trung học chuyên nghiệp với 79.061 học sinh. Ngoài ra, miền Bắc đã thực hiện tốt kế hoạch đào tạo cán bộ quê ở miền Nam cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội sau ngày miền Nam giải phóng. Trong giai đoạn 1955 - 1975, đã có 23.276 cán bộ, chiến sĩ, con em đồng bào miền Nam ra miền Bắc học tập. Riêng trong 10 năm (1965 - 1975), 9.061 học sinh miền Nam được vào các trường đại học, trong số này có trên 1.000 người đã bảo vệ thành công luận án phó tiến sĩ. Sau ngày đất nước thống nhất, sở trí thức này trở thành cán bộ khoa học - kỹ thuật nòng cốt, cán bộ quản lý trên mọi lĩnh vực ở miền Nam¹². Hơn 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội đã đào tạo nên một thể hệ trí thức mới với số lượng đông đảo thuộc nhiều ngành khoa học khác nhau, đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Năm học 1975 - 1976, bình quân một vạn dân miền Bắc có 2.769 người đi học so với mức 214 người năm học 1939 - 1940 và 949 người năm học 1955 - 1956. Riêng số sinh viên đại học năm 1975 - 1976 lên tới 61,1 nghìn người, gấp 101,8 lần năm học 1939 - 1940 và gấp 50,9 lần năm 1955¹³. Thành tựu lớn nhất của sự nghiệp giáo dục - đào tạo của miền Bắc (1954 - 1975) là đã nâng cao trình độ dân trí cho toàn xã hội, góp phần xây dựng nên một thể hệ con người mới có tri thức, giàu lòng yêu nước và

¹⁰ Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên): *Cơ cấu xã hội trong quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.234.

¹¹ Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước KX.0: *Đề tài KX.01.03, Báo cáo tổng quan*, Hà Nội, 1995, tr.21.

¹² Phạm Tất Dong (chủ biên): *Tri thức Việt Nam - thực tiễn và triển vọng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.80-83.

¹³ Trần Hoàng Kim: *Kinh tế Việt Nam chặng đường 1945 - 1955 và triển vọng đến năm 2000*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 1996, tr.57.

niệt tình với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây vừa là lực lượng bổ sung kịp thời cho cách mạng giải phóng miền Nam, nhất là ở giai đoạn cuối mang tính chất quyết định, vừa là lực lượng nòng cốt của công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước sau ngày thống nhất.

Mạng lưới y tế chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được mở rộng từ Trung ương đến cơ sở, từ đồng bằng đến miền núi. Người lao động khi ốm đau, sinh đẻ, bị tai nạn lao động hoặc mất sức lao động được nhà nước chăm sóc, chữa bệnh không mất tiền và được hưởng trợ cấp. Tất cả các xã đều có trạm y tế; các huyện, tỉnh có bệnh viện với trang bị kỹ thuật tương đối đầy đủ. Đến đầu năm 1975 số cơ sở khám chữa bệnh của miền Bắc đã gấp 21,8 lần năm 1955, số giường bệnh gấp 7 lần, số cán bộ y tế bình quân 1 vạn dân gấp 24,2 lần. Nhờ vậy, các bệnh dịch thông thường đã bị đẩy lùi, sức khỏe và tuổi thọ bình quân của người dân được nâng lên (tuổi thọ bình quân từ 40 trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã tăng lên 64 vào năm 1974). Những tiến bộ về giáo dục, y tế rõ ràng đã góp phần tích cực làm thay đổi bộ mặt xã hội miền Bắc, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động.

Nhìn chung, chỉ trong một thời gian ngắn, miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã đạt được những thành tựu quan trọng không thể phủ nhận trên lĩnh vực văn hóa xã hội. Những thành tựu này đặc biệt có ý nghĩa khi đặt trong hoàn cảnh miền Bắc phải chịu sự đánh phá ác liệt của chiến tranh phá hoại và so với những gì mà đế quốc Mỹ và tay sai đã làm ở miền Nam trong những năm 1954 - 1975.

Trong giai đoạn 1954 - 1975, cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ song song: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai. Trong đó, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc là nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng nước ta, vì xây

dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc không phải chỉ nhằm xây dựng đời sống tự do, hạnh phúc cho nhân dân miền Bắc, mà còn nhằm xây dựng miền Bắc thành hậu phương vững chắc cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Do đó, ngay từ những năm đầu đánh Mỹ, Đảng ta đã sớm xác định: muốn thống nhất nước nhà, điều cốt yếu là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam. Sau Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng (khóa II) và Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng, vai trò của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc càng được xác định rõ ràng: xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa thành căn cứ địa chung của cách mạng cả nước, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Xét trên ý nghĩa đó, miền Bắc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Trong thời kỳ 1954 - 1975, miền Bắc đã dành 50% ngân sách Nhà nước hằng năm, 20 - 25% tổng sản lượng lương thực để chi viện cho miền Nam. Huy động 3 triệu lao động trẻ khỏe trong tổng số 9 triệu lao động đi chiến đấu và phục vụ chiến đấu (trong đó 1,9 triệu lao động vào lực lượng vũ trang), 80% lực lượng vũ trang có mặt ở miền Nam là từ miền Bắc đưa vào¹⁴.

Mặt khác, việc bảo vệ được nền độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của miền Bắc có tầm quan trọng to lớn. Bởi vì nó không đơn thuần là giữ được vùng “đất thánh” để từ đó nhận được sự giúp đỡ từ bên ngoài, chi viện cho miền Nam, mà còn giữ được vị thế của một quốc gia độc lập, có chủ quyền; trên cơ sở đó đấu tranh có hiệu quả, tạo nên sức mạnh tổng hợp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và giải phóng miền Nam. Điều đó lý giải vì sao suốt những năm 1954 - 1975, đế quốc Mỹ và tay sai thường xuyên thực hiện âm mưu gây rối, bạo loạn, nhất là hai cuộc chiến tranh phá hoại mang tính hủy diệt, hòng kéo lùi miền Bắc “trở lại thời kỳ đồ đá”. Đặt trong bối cảnh đó mới

¹⁴ Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 6, 1991, tr.26.

thấy hết tầm quan trọng của việc bảo vệ được nền độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của miền Bắc trong thời kỳ 1954 - 1975.

3. KẾT LUẬN

Trong thời kỳ 1954-1975, Đảng ta đã lãnh đạo thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là nét độc đáo, chưa có tiền lệ trong lịch sử thế giới khi so sánh với một vài nước có cùng hoàn cảnh chia cắt với hai chế độ chính trị khác nhau. Với bản lĩnh độc lập, tự chủ và quyết tâm chính trị, Đảng ta đã sớm xác định sự nghiệp cách mạng ở miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp tới cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam; cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với thắng lợi chung của cả nước. Bằng tinh thần yêu nước và sự giác ngộ lý tưởng xã hội chủ nghĩa, nhân dân miền Bắc đã vượt qua một

chặng đường chưa từng có trong lịch sử dân tộc: vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa làm tròn nhiệm vụ hậu phương lớn của cách mạng miền Nam và đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Những thành tựu cơ bản của hơn hai thập kỷ xây dựng chủ nghĩa xã hội là cơ sở để miền Bắc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam - một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước (1954-1975). Hơn thế nữa, bài học về giữ vững độc lập, tự chủ trong hoạch định đường lối và bản lĩnh chính trị của Đảng ta vẫn còn nguyên giá trị để hướng tới kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam- kỷ nguyên phát triển, giàu mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đào Duy Tùng: Quá trình hình thành con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.36.
- [2] Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên): Cơ cấu xã hội trong quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.234.
- [3] Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước KX.0: Đề tài KX.01.03, Báo cáo tổng quan, Hà Nội, 1995, tr.21.
- [4] Phạm Tất Dong (chủ biên): Tri thức Việt Nam - thực tiễn và triển vọng, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.80-83.
- [5] Trần Hoàng Kim: Kinh tế Việt Nam chặng đường 1945 - 1955 và triển vọng đến năm 2000, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 1996, tr.57.
- [6] Tạp chí Lịch sử Đảng, số 6, 1991, tr.26.
- [7] Tổng cục Thống kê: 30 năm phát triển kinh tế và văn hóa của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978, tr.29.
- [8] Phạm Khiêm Ích, Nguyễn Đình Phan (Chủ biên): Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam và các nước trong khu vực, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 1994, tr.76-77.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, t.37, tr.493-494.

Liên hệ

TS. Trần Tăng Khởi

Học viện Chính trị khu vực III

Địa chỉ: 215, Nguyễn Công Trứ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

Email: trantangkhoilsd@gmail.com

Ngày nhận bài: 7/3/2025

Ngày gửi phản biện: 7/3/2025

Ngày duyệt đăng: 19/5/2025